

Ba Thằng Bạ Đà Lạt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau một tuần ở Sài Gòn, khi nổi háo hức trở về quê cũ và niềm vui gặp lại bạn bè dịu xuống, tôi ho dữ dội về đêm và ngại ngủ khi phải ra ngoài. Bụi bặm và khói xe dày đặc đến nỗi chỉ một ngày đi đầu trần ngoài đường, tối về tôi thấy tóc mình dính bết lại như thể được chải *bi-dăng-tin* (tiếng Pháp “brilliantine”). Xe cộ, phần lớn là xe gắn máy, mạnh ai nấy chạy, giành đường nhào tới bất chấp luật lệ lưu thông, và nhấn còi tin tin liên tục, không cần biết có ai nghe hay không. Người ta đội mũ mang khăn che kín mặt trông như quái vật từ hành tinh lạ. Trong khi đó, các nhà và cửa tiệm mở máy hát hết cỡ từ sáng sớm đến đêm khuya, và âm thanh hỗn độn vang dậy từ ngõ hẻm đến đường phố. Có lẽ vì vậy dân Sài Gòn nói chuyện lớn tiếng như hét vào mặt nhau.

Ra đường, tôi luôn luôn bị gọi giật lại mời mua một thứ gì đó. Khi tôi từ chối, “Dạ không, cảm ơn,” trẻ em cũng như người lớn đều nặng lời mắng nhiếc, “Đồ ‘Việt kiều’ gì mà . . .” (Có lẽ có một tấm biển “Việt kiều” vô hình nào đó trên trán hay sau lưng tôi!) May thay, trong hai tuần lễ còn lại, tôi không còn chịu khổ sở ở “thành phố đã mất tên” này bao nhiêu ngày nữa. Chúng tôi đã thuê khoán chiếc xe du lịch có tài xế để đi thăm miền Trung và sau đó bay ra Hà Nội xem miền Bắc một lần cho biết.

Trước khi chúng tôi lên đường, vợ chồng Lộc hẹn đi ăn phở ở tiệm phở Tàu Bay trên đường Lý Thái Tổ để chia tay vì hai người cũng sẽ trở về Đà Lạt. Nếu Tàu Bay là tiệm phở quen thuộc của tôi và Lộc thời đi học, Trâm Anh vợ Lộc cũng không phải là người xa lạ. Trong chuyến du khảo nhà máy thủy điện Đa Nhim cuối năm đệ tam niên trường kỹ sư, bọn sinh viên Điện chúng tôi có dịp sinh hoạt với sinh viên các ký túc xá của viện Đại học Đà Lạt, và trước khi buổi sinh hoạt bắt đầu, cô cháu họ Nhật Lệ gọi tôi bằng “ông” đưa Trâm Anh tới giới thiệu với tôi trong lúc Lộc đứng kế bên,

“Trâm Anh học sư phạm ở chung phòng với em. *Hắn* quê Tuy Hòa và hay nghe em kể về *ông* nên muốn làm quen.” Tôi nhớ ra Trâm Anh trước học trường trung học Nguyễn Huệ Tuy Hòa và có tên trong danh sách “những cô gái đẹp nhất” của Sang em kể tôi.

“Hân hạnh được biết Trâm Anh,” tôi lúng túng cười duyên.

“*Ông* *tau* biết danh và hâm mộ *mi* lắm,” Nhật Lệ tặng bốc bạn.

“Anh *Ba Hoa* ở Tuy Hòa ai mà không biết. Sao lâu nay không thấy anh về chơi?” giọng Phú Yên riu rít và cất lên cao ở cuối câu của Trâm Anh nghe như chim hót.

Không dè, Lộc bị tiếng sét ái tình đánh trúng ngay phút đầu tiên gặp mặt Trâm Anh. Lộc làm quản trò điều khiển chương trình nhưng mắt không rời cô thiếu nữ xinh đẹp dịu dàng như muốn ghi khắc từng dáng điệu cử chỉ của nàng. Bạ tôi đã tìm thấy đối tượng yêu thương. Hè năm sau, sau khi chúng tôi tốt nghiệp, tôi trở lại Tuy Hòa làm phù rể cho đám cưới của hai người, và Nhật Lệ là một trong bốn cô phù dâu.

Trâm Anh cảm động mắt chớp chớp mắt khi tôi nhắc lại cuộc gặp gỡ định mệnh hơn 35 năm trước. Đêm ấy, trên đỉnh đồi cao vắng lặng, từng cặp nam nữ sinh viên Điện và Đà Lạt xen kẽ nắm tay nhau bước quanh lửa trại bập bùng và hát to bài “Việt nam Quê hương Ngạo nghễ” của Ngô Đức Vinh,

*Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn
Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang vang
Lê sau bàn chân gông xiềng một thời xa xăm
Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loàng xoàng . . .*

Tác giả bài hát là bạn thân của Lộc từ ngày học trường trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt; hai đứa đồng hành trong các sinh hoạt hướng đạo, văn nghệ, và về sau là du ca. Khoảng hai năm trước đêm lửa trại của chúng tôi, chính hai đứa đã góp phần thành lập Du ca Việt nam, một tổ chức thanh niên có mục đích giáo dục thế hệ trẻ bằng cách trình diễn văn nghệ và hoạt động cộng đồng, và Lộc giữ chức vụ chủ tịch lâm thời trước khi phong trào họp đại hội bầu chủ tịch chính thức.

Vinh sinh năm 1944 tại Sơn Tây là con áp út trong một gia đình sáu anh chị em – ba trai, ba gái, cha làm giáo chức. Lúc nhỏ Vinh theo chân cha mẹ di chuyển và sống ở nhiều nơi. Trước Hiệp định Genève 1954 ba tháng, nó và đứa em út theo cha mẹ vào Sài gòn, người anh cả và ba người chị kẹt lại ngoài Bắc. Rồi cha đổi về Đà Lạt, ở đó nó học trung học rồi lên đại học học khóa đầu tiên trường Chánh trị Kinh doanh Đà Lạt.

Vinh có năng khiếu âm nhạc và ham mê sáng tác từ ngày mới lớn; ca khúc đầu tay là bài hát hướng đạo “Gươm Thiêng Hào kiệt.” Đầu thập niên 1960, nó chuyển hướng sáng tác sang chủ đề “Tuổi Trẻ, Quê hương, và Dân tộc” diễn tả suy tư của một thế hệ sinh ra và lớn lên trong chiến tranh với những bài “trầm ca,” tức là bài hát trầm tư; tiêu biểu là bài “Nỗi Buồn Nhược tiểu.” Nó cùng một số bạn cựu học sinh Trần Hưng Đạo lập một ban nhạc không tên, không chuyên nghiệp trình diễn tự nguyện với phong cách mới mẻ: Người tham dự không chỉ nghe hát và vỗ tay tán thưởng mà cùng hát với nhạc sĩ trên sân khấu theo tinh thần “hát hay không bằng hay hát,” “hát với nhau,” và “cùng nhau hát.”

Tháng Chạp năm 1965, ban nhạc chính thức ra mắt bằng hai buổi trình diễn tại viện Đại học Đà Lạt: Đêm đầu tại giảng đường Spellman với sự tham gia của Phạm Duy, ông hát những bài “Tâm ca” mới sáng tác. Đêm sau tại giảng đường Thụ Nhân với xuất hiện của ca sĩ hát dân ca Hương Anh; sau đó cô gia nhập và trở thành giọng nữ duy nhất của ban nhạc. Rồi ban nhạc lấy tên Trầm Ca; đó là khởi điểm của phong trào du ca.

Trong thời gian này, tôi theo Lộc lên Đà Lạt chơi mỗi lần nó về thăm nhà, và quen thân với Vinh và thằng bạn thân kia của Lộc là Liễn sinh viên văn khoa hát trong ban Trầm Ca. Bốn thằng thích ra tiệm Shanghai gần chợ Hòa bình uống trà sữa, thức uống thông dụng của sinh viên địa phương. Tôi thường phải làm “đầu tàu” trả tiền vì ba chàng nghệ sĩ du ca còn nương tựa cha mẹ, trong khi dù bỏ nhà đi bụi đời nghèo xác xơ, tôi đi dạy tư và có tiền riêng.

Tốt nghiệp Cử nhân Chánh trị Kinh doanh, Vinh dự thi kỳ thi tuyển tham vụ ngân hàng (để làm giám đốc ngân hàng tại các chi nhánh địa phương) của Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp đặt trụ sở tại bến Bạch Đằng Sài Gòn. Nó đậu cao và được chọn phục vụ tại sở Kế hoạch tại trung ương. Khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, nó bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức, ra trường với cấp bậc chuẩn úy, và được biệt phái về làm việc tại nhiệm sở cũ.

Việt Cộng (“VC”) vào, Vinh bị đi tù “cải tạo” ba năm. Ra tù ít lâu, nó dắt vợ con vượt biên đến trại Pulau Bidong ở Mã Lai Á rồi sang Hoa kỳ tỵ nạn, định cư tại khu Little Saigon ở nam California. Sau khi lần lượt làm giám đốc trị sự, chủ bút, và tổng giám đốc nhật báo *Ngàn Việt* là tờ báo nổi tiếng nhất của người Việt hải ngoại, nó sáng lập nhật báo *Trường Xuân* rồi cộng tác với bạn bè lập một công ty truyền thông và làm một số tờ báo khác.

* * *

Bốn người chúng tôi vừa ăn vừa chuyện trò rộn ràng, từ chuyện cũ đến chuyện mới. Nhắc lại người bạn thân thiết ngày xưa, Lộc hỏi tôi,

“Qua bên Mỹ, mày hay liên lạc với thằng Vinh không?”

“Nó ở Little Saigon là nơi đô hội của người Việt và được mọi người biết tên biết tiếng. Tao ở xứ North Dakota hẻo lánh xa xôi và chẳng ai thèm biết tới. Hai thằng hai thế giới khác nhau nên ít có cơ hội gặp gỡ,” tôi lắc đầu.

“Năm kia, vợ chồng nó về Đà Lạt ăn tết, nó nói có lần mày gọi điện thoại hỏi lằng quằng gì đó mà nó không nhớ.”

“Ờ, đó là lần NASA phóng Viễn vọng kính Không gian Hubble lên không gian,” tôi nhớ ra, “Tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto [Gia Nã Đại] kêu tao viết một bài về biến cố khoa học trọng đại đó, và tao gọi cho thằng Vinh để hỏi lời một bài hát.” NASA là Tổng nha Hàng không và Không gian Quốc gia Hoa kỳ.

Viễn vọng kính nói chung là dụng cụ dùng để quan sát “sao trên trời” nên để bài báo bớt khô khan, tôi dự định dặm thêm một số câu trong bài hát “Bài Ca Sao.” Tôi chỉ nhớ lờ mờ lời bài hát nên gọi điện thoại hỏi Vinh vì tưởng nó là tác giả. Gọi nó tại nhà đến lần thứ ba mới gặp; buổi tối nó vừa đi nhậu với bạn về, còn say rượu, và nói không nhớ lời vì tác giả là người khác – Phạm Duy. Tôi gọi Phạm Duy và lần này được ông niềm nở đọc lời cho tôi chép và hát cả bài từ đầu đến cuối cho tôi nghe. Kết quả là bài viết của tôi mở đầu với bốn câu đầu của bài “Bài Ca Sao,”

*Sao Tua chín cái năm kề,
Thương em từ thuở mẹ về với cha.
Sao Vua sáu cái năm xa,
Thương em từ thuở người ra người vào.*

Tôi nhớ đến Liễn và hỏi Lộc,

“Thằng Liễn vẫn ở Đà Lạt? Tao nghe nói bây giờ nó có họ mới và thành Mạc Thái Liễn, thay vì Huỳnh Thái Liễn như xưa.”

“Cha nó họ Mạc người Thanh Hóa và mẹ nó người Hà Tĩnh vào Di Linh tỉnh Lâm Đồng lập nghiệp. Khi bà mẹ mang thai nó, người cha theo Việt Minh đi kháng chiến biệt tích. Bà mẹ sinh

nó rồi tái giá. Từ nhỏ đến lớn, nó sống với cha dượng và mấy người em cùng mẹ khác cha, và mang họ Huỳnh của ông. Mãi đến năm 1975 gặp mặt cha ruột, nó mới đổi họ thành Mạc như ông ta,” Lộc giải thích.

Ngày gặp Liễn, tôi mơ hồ biết nó sống và học trung học đệ nhất cấp ở Di Linh đến năm 14 tuổi mới lên Đà Lạt học Trần Hưng Đạo và sau đó học triết tại Đại học Văn khoa Đà Lạt. Dáng người bé nhỏ, nó ăn mặc diêm dúa, và áo quần lúc nào cũng đúng *mốt*. Cha dượng và mẹ nó giàu có, làm chủ một khách sạn khá lớn ở dốc đường Hai Bà Trưng dẫn lên chợ Hòa bình.

Tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Triết, Liễn về Sài Gòn học cao học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Sau hai năm, không hoàn tất tiểu luận cao học, nó bỏ dở và nhờ gia đình vận động, được nhận làm phụ khảo tại Đại học Văn khoa Đà Lạt. Khoảng một năm sau, thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, nó bị gọi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức. Ngày ra trường, thay vì trình diện đơn vị chờ viện đại học can thiệp với bộ Quốc phòng cho biệt phái về trường dạy lại, nó đào ngũ và nhảy vô *bung* theo VC.

Những năm đầu thời VC, Liễn bị bỏ xó. Chúng tôi nói những người học triết như nó đã bị nhiễm độc về mặt tư tưởng và cần học hỏi thuần nhuyễn triết học Marx - Lenin mới có thể giao công tác. Nó để ra gần ba năm đi học “trường Đảng” và được cấp bằng “Đại học Sư phạm Chính trị” để được phép dạy trung học. Bị gây khó dễ đủ điều khi dạy học, nó xin chuyển sang làm việc cho thành phố Đà Lạt, ra ứng cử hội đồng Nhân dân Thành phố và đắc cử chức phó chủ tịch, và chỉ làm một nhiệm kỳ thì rút lui.

Cuối thập niên 1980, Liễn và các bạn trong hội Văn nghệ Lâm Đồng chủ trương tạp chí *Lang Bian* (Lâm Viên). Tờ báo chỉ ra được ba số, nhưng gây được một tiếng vang lớn. Trên tờ *Lang Bian*, nó viết một bức thư nẩy lửa cho ban chấp hành Hội (do nhà nước điều khiển) nêu ra cơ chế bất hợp lý và vi phạm dân chủ trong chính sách của nhà nước. Một điều tối cấm kỵ! Giữa thập niên 1990, nó công khai bất đồng chính kiến với nhà nước và là một trong bốn thành viên đầu tiên của nhóm “bất đồng” Thân hữu Đà Lạt. Ba người kia là Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, và Tiêu Dao Bảo Cự. Bất đồng quan điểm với nhà nước VC không phải dễ dàng. Bị gây khó khăn liên tục, theo dõi từng bước đi, và đe dọa tù đày, nhưng Liễn không lùi bước.

Thời cuộc đổi thay, *ba thằng bạn Đà Lạt* năm xưa mỗi đứa mang một số phận khác nhau. Nhưng khi nhớ lại, tôi vẫn thấy ba đứa ôm đàn đứng bên nhau hát trên cái sân khấu nhỏ ở thành phố mù sương năm ấy. Và rốt cuộc, chính ký ức đó mới là điều còn lại.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Mười, 2025